|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS**GIAO THỦY | **ĐỀ ĐỀ SUẤT KIỂM TRA GHKI****Môn: Tiếng Anh lớp** 9 |

**PART I: LANGUAGE FOCUS (4.0 POINTS)**

***I.Chọn một từ có phần gạch chân phát âm khác các từ còn lại. Khoanh tròn A, B, C hoặc D ứng với từ chọn như ví dụ (câu 0) đã làm . (0,6 điểm)***

0. **A**. lively **B**. healthy **C**. deny **D**. crazy

**1.** **A.** layer **B.** artisan                 **C.** frame **D.** place

2. **A.** learned             **B.** asked                  **C.** practiced **D.** watched

3. **A**. surface **B**. stressed **C**. universe **D**. occasion

***II. Chọn một từ có trọng âm chính rơi vào vị trí âm tiết khác các từ còn lại. Khoanh tròn A, B, C hoặc D ứng với từ chọn như ví dụ (câu 0) đã làm . (0,4 điểm)***

0. **A**. enjoy **B**. control **C**.helpful **D**. again

1. **A**. workshop **B**. protect **C**. hotel **D**. helpline

2. **A**. wonderful **B**. attractive **C**. nagative **D**. cultural

***III.Chọn một từ, cụm từ thích hợp nhất để hoàn chính các câu sau. Khoanh tròn A, B, C hoặc D ứng với từ/ cụm từ đúng như ví dụ (câu 0) đã làm (2.0 điểm)***

0.She is always proud \_\_\_\_\_\_ her father.

**A**. since **B**.in **C**. of **D**. at

1. Bat Trang is one of \_\_\_\_\_\_ most famous traditional craft villages of Hanoi.

**A**. a **B**. an **C**. the **D**. Ø

2. It took him years to \_\_\_\_\_\_the shock of his wife dying.

**A**. take on **B**. get over **C**. go off **D**. put off

3. Ha Noi is now \_\_\_\_\_\_ than it was many years ago.

**A**. more larger **B**. the largest **C**. as larger **D**. much larger

4. \_\_\_\_\_\_they worked really hard for the exam, they didn’t get hight grades.

 **A**. When **B**. Because **C**. If **D**. Although

5. He got a bad mark for his English test. He must have been really \_\_\_\_\_\_\_ .

**A**. disappointed **B**. relaxing **C**. interested  **D**. happy

6. **A**: Would you like to join us on the trip to La Khe Silk Village? **B**: \_\_\_\_\_\_

 **A**. Sounds great. **B**. For now.

 **C**. Better things happened. **A**. I don’t think so.

7. On children Festival, the zoo is always \_\_\_\_\_\_ with people mainly children.

 **A**. packed **B**. had **C**. contained **D**. scored

8. The students didn’t know what\_\_\_\_\_\_ to deal with the problem.

**A**. they did **B**. to do **C**. doing **D**. for do

9. The street food in Hoi An is delicious and\_\_\_\_\_\_.

 **A**. afford **B**. to afford **C**. affordable **D**. affordably

10. You should take your shoes \_\_\_\_\_\_ when you go into the temples.

 **A**. up **B**.in **C**.off **D**.on

***IV.Cho dạng đúng của từ trong ngoặc để hoàn thành câu như ví dụ (câu 0) đã làm.* *(1.0 điểm)***

0.Where are you ? I (**cook**)……………***am cooking***…………… in the kitchen.

1. She asked him where he (**spend**) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ his money so far.

2**.** Ha Long Bay (**recognise**) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_as a World Heritage Site by UNESCO since 1994.

3. It took me a whole day (**travel**) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ to Dalat last week.

4. Minh Anh often (**go**) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_to school by bike every day.

5. When he came home yesterday, his wife (**cook**) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_dinner.

**PART II: READING (3.0 POINTS)**

***I. Đọc đoạn văn và khoanh tròn một phương án đúng nhất A, B, C hoặc D ứng với mỗi từ hoặc cụm từ thích hợp để điền vào mỗi chỗ trống trong đoạn văn sau. (1.0 điểm )***

 Living in a city has a (1) \_\_\_\_\_\_\_ of drawbacks. Firstly, there are many problems of traffic jams and traffic accidents. The increase (2) \_\_\_\_\_\_\_ population and the increasing number of vehicles have caused many accidents to happen every day. Secondly, air pollution negatively affects people’s health, and it also has a bad influence on the environment. More and more city dwellers (3) \_\_\_\_\_\_\_ from coughing or breathing problems. Thirdly, the city is noisy, even at night. Noise (4) \_\_\_\_\_\_\_ comes from the traffic and from construction sites. Buildings are always being knocked (5) \_\_\_\_\_\_\_ and rebuilt. These factors contribute to making city life more difficult for its residents.

 1. **A**. lots **B**. great deal **C**. number **D**. numerous

 2. **A**. at **B**. in **C**. on **D**. of

 3. **A**. suffer **B**. differ **C**. recover **D**. different

 4. **A**. polluting **B**. polluted **C**. pollution **D**. pollute

 5. **A**. up **B**. down **C**. on **D**.at

***II. Đọc đoạn văn, trả lời các câu hỏi 1, 2, 3 và khoanh tròn phương án trả lời đúng nhất cho các câu hỏi 4, 5. (2,0 điểm)***

More than 80% of American high school students work at part-time jobs in the evenings, on weekends or in summer. These part-time jobs bring teenagers great advantages.

One of the benefits of the work is the students can learn the skills that will be useful for the rest of their lives. When they work, they have to manage both the job and schoolwork. To be able to do so, they must be very organized and able to keep a sensible schedule. They also learn to **cope with** the job stress apart from the stress of the schoolwork. Some of the most stressful jobs include teaching, nursing, and police work. These skills help prepare teenagers for their later careers. High school students who work are more likely to succeed as adults than people who enter the job market at a later age with no work experience.

Teenagers want a lot of expensive things: clothes, mp3 players, trips with their friends, etc**.** Not all parents can afford them. And even if they can, the teens might not really appreciate that money because they did not earn it. When teenagers make money for themselves, they know its true and are less likely to spend it foolishly.

**1**. How many percentages of American high school students work at part-time jobs in the evenings, on weekends or in summer ?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**2**. According to the passage , do the part-time jobs bring teenagers any advantages ?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**3**. What do teenagers know when they make money for themselves?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**4.**The word “**cope with**” in the passage is closest in meaning to \_\_\_\_\_\_.

**A**. fight against **B**. deal with **C**. suffer from **D**. keep up with

**5.** According to the passage, which of the following is TRUE?

**A**. Only some American students do part-time jobs.

**B**. American students suffer part-time job stress.

**C**. Part-time jobs are are beneficial for teenagers in some ways

**D**. Teenagers are often stressed when they do part-time jobs.

**PART III: WRITING (3.0 POINTS)**

***I. Hoàn chỉnh câu thứ hai sao cho nghĩa không thay đổi so với câu thứ nhất (2,0 điểm)***

1. They often went to school by bike when they were young.

=> They used …………………………………………………………………………….

2. Watching TV is not as important as doing homework.

=> Doing homework …………………………………………………………………….

3. Nam has a good relationship with most of his neighbors.

=> Nam gets ……………………………………………………………………………..

4. “Do your sister and brother go to the same school?” she asked Nam.

=>She asked Nam ………………………………………………………………………..

5. He misbehaved in the class, so the teacher asked him to go out.

=>The teacher asked………………………………………………………………………

II.Viết một đoạn văn khoảng 100-120 từ về chủ đề sau: (1.0 điểm).

**“What should teenagers do to avoid stress and pressure?”**

You can use the following suggested ideas or your own ones.

- manage time suitably and spend more time on outdoor activities

- share difficulties with others

- get enough sleep and do regular exercises

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**\_\_\_\_\_THE END\_\_\_\_\_**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG GHKI**

**MÔN TIẾNG ANH LỚP 9**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**PART I: LANGUAGE FOCUS (4.0 POINTS)**

***I.Chọn một từ có phần gạch chân phát âm khác các từ còn lại. Khoanh tròn A, B, C hoặc D ứng với từ chọn như ví dụ (câu 0) đã làm . (0,6 điểm)***

1. B 2.A 3.D

***II.Chọn một từ có trọng âm chính rơi vào vị trí âm tiết khác các từ còn lại. Khoanh tròn A, B, C hoặc D ứng với từ chọn như ví dụ (câu 0) đã làm . (0,4 điểm)***

1. B 2.B

***III.Chọn một từ, cụm từ thích hợp nhất để hoàn chính các câu sau. Khoanh tròn A, B, C hoặc D ứng với từ/ cụm từ đúng như ví dụ (câu 0) đã làm (2.0 điểm)***

1. C 2. B 3. D 4. D 5. A

6. A 7. A 8. B 9. C 10. C

***IV.Cho dạng đúng của từ trong ngoặc để hoàn thành câu như ví dụ (câu 0) đã làm. (1.0 điểm)***

1. had spent

2. has been recognized

3. to travel

4. goes

5. was cooking

**PART II: READING (3.0 POINTS)**

***I. Đọc đoạn văn và khoanh tròn một phương án đúng nhất A, B, C hoặc D ứng với mỗi từ hoặc cụm từ thích hợp để điền vào mỗi chỗ trống trong đoạn văn sau. (1.0 điểm )***

 1.C 2.B 3.A 4.C 5.B

***II. Đọc đoạn văn, trả lời các câu hỏi 1, 2, 3 và khoanh tròn phương án trả lời đúng nhất cho các câu hỏi 4, 5. (2,0 điểm)***

1. More than 80% / More than 80% of American high school students work at part-time jobs in the evenings, on weekends or in summer.

2.Yes, they do./ Yes.

3. (When teenagers make money for themselves,) they know its true and are less likely to spend it foolishly.

4. B

5. C

**PART III: WRITING (3.0 POINTS)**

***I.Hoàn chỉnh câu thứ hai sao cho nghĩa không thay đổi so với câu thứ nhất (2,0 điểm)***

1. They used to go to school by bike when they were young.

2. Doing homework is more important than watching TV.

3. Nam gets on (well) with most of his neighbors.

4. She asked Nam if/ whether his sister and brother went to the same school.

5. The teacher asked him to go out because he misbehaved in the class.

II.Viết một đoạn văn khoảng 100-120 từ về chủ đề sau: (1.0 điểm).

**“What should teenagers do to avoid stress and pressure?”**

\*The impression mark is based on the following scheme:

1. Format: (0.1 point for correct format). One paragraph only with the introduction, the body, and the conclusion.

2. Content: (0.4 point): a provision of main ideas and details as appropriate to the main idea.

3. Language: (0.3 point): a variety of vocabulary and structures appropriate to the level of secondary students.

4. Presentation: (0.2 point): Coherence, cohesion and style appropriate to the level of secondary students

\* Lưu ý: Học sinh không sử dụng gợi ý của đề bài vẫn cho điểm tối đa.